

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPTN

Tỉnh Tn

Bản án số: 107/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TN TỈNH TN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị M H

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Trần Trọng Tú 2. Bà Trần Kim Liên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh L - Cán bộ

Toà án nhân dân TP Tn tỉnh Tn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tn: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30/9/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Tn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 515/2019/TLST- HNGĐ ngày 24/9/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXX -ST ngày 30/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thu T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 18, phường HVT, TP Tn, Tn.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Đoàn Quang Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 9, phường HS, thành phố Tn, Tn.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Đinh Thị Thu T trình bày: Chị và anh Đ kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có được đăng ký kết hôn tại UBND phường HS, thành phố Tn. Lý do chị làm đơn xin ly hôn là do: Cuộc sống vợ chồng không bình đẳng, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Đ không tự quyết đoán trong gia đình, mọi việc của vợ chồng đều do chị chồng và bố chồng quyết định, ngoài ra mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình, mâu thuẫn hai bên thông gia và kinh tế, dẫn đến vợ chồng không ở được với nhau, thường xuyên cãi vã nhau.

Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, chị cũng đã về bên gia đình nhà chồng để hòa giải, nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên: Đoàn Gia H, sinh ngày 15/9/2018. Khi vợ chồng ly thân, vì con đang còn nhỏ (tám tháng tuổi) nên chị đón con ở cùng chị nhưng anh Đ lên đón con về không cho

chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa anh Đoàn Quang Đ trình bày: Chị T trình bày về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh xác định có mâu thuẫn như chị T trình bày, nhưng theo anh đó là những mâu thuẫn bình thường hàng ngày trong cuộc sống vợ chồng chứ không có gì to tát mà dẫn đến việc ly hôn, còn nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế là không đúng, anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn chính là giữa anh và mẹ vợ, chị T bỏ về nhà ngoại từ tháng 5/2019 đến nay là do chị T tự bỏ nhà đi không ai đuổi. Anh có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung nhưng chị T cương quyết xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn vì có gượng ép thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được.

Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Gia H, sinh ngày 15/9/2018, khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, với lý do từ khi ly thân đến nay anh là người trực tiếp nuôi con, hiện con đang ở cùng anh và cùng ông bà nội, phát triển đầy đủ cả thể chất và tinh thần, chị T hiện đang ở nhà trọ, bố mẹ chị T đã già yếu không có điều kiện để chăm sóc cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành công khai tài liệu chứng cứ cho các đương sự và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung của vụ án, vì vậy Tòa án đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX nhận định.

[1] Chị Đinh Thị Thu T có hộ khẩu thường trú tại tổ 18, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Tn có đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Tn, bị đơn là anh Đoàn Quang Đ có hộ khẩu thường trú tổ 9, phường Hương Sơn, thành phố Tn căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tn.

[2] Chị Đinh Thị Thu T và anh Đoàn Quang Đ đều xác định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Sơn, thành phố Tn, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ vợ chồng: HĐXX thấy rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không nhường nhịn, thường xuyên cãi vã nhau, ngoài ra còn mâu thuẫn giữa anh Đ với mẹ vợ, mâu thuẫn giữa hai bên gia đình. Nay chị T và anh Đ đều xác định tình cảm vợ

chồng không còn, có duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, chị T và anh Đ nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau. HĐXX thấy rằng sự tự nguyện ly hôn trên không trái với luật và Đ đức xã hội nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị T và anh Đ, cho chị T và anh Đ được ly hôn nhau là phù hợp với thực tế và Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh Đ đều xác định vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Gia H, sinh ngày 15/9/2018. Hiện các con đang ở với anh Đ. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con với lý do hiện con đang còn nhỏ (12 tháng tuổi) cần sự chăm sóc của người mẹ và chị có đủ điều kiện để chăm sóc con. Anh Đ cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, lý do anh xin trực tiếp nuôi con là vì anh có nơi ở ổn định, đang ở cùng với bố mẹ anh, ngoài ra bố mẹ anh giúp đỡ trong việc chăm sóc con, còn chị T không đủ điều kiện, hiện chị T đang đi thuê nhà ở, ông bà ngoại đã già yếu không thể giúp đỡ trong việc chăm nom.

HĐXX thấy rằng: Về nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con của chị T và anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật và Đ đức xã hội, xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng là ngang nhau, chị T, anh Đ đều làm công việc tự do và đang ở nhờ vào gia đình bố mẹ đẻ, tuy nhiên hiện con chung Đoàn Gia H đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, chị T không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động, áp dụng khoản 3, Điều 81 Luật HNGĐ 2014: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Vì vậy, HĐXX giao con Đoàn Gia H cho chị Đinh Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Đoàn Quang Đ có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng, xét thấy yêu cầu của chị T là chính đáng, việc cấp dưỡng nuôi con vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ, căn cứ vào mức sống tối thiểu của từng vùng miền, thu nhập của nguyên đơn, HĐXX buộc anh Đoàn Quang Đ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đ/tháng là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T anh Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ – HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị T phải nộp án phí LHST, anh Đ nộp án phí DSST vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; 143; 146; 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51; 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Điều 357, 468 BLDS ; Luật án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/NQ – HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị T và anh Đ. Chị Đinh Thị Thu T và anh Đoàn Quang Đ thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Gia H, sinh ngày 15/9/2018 cho chị Đinh Thị Thu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đoàn Quang Đ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh Đ đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001862 ngày 24/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tn sang.

Anh Đ nộp 300.000đ án phí DSST (cấp dưỡng nuôi con) vào ngân sách Nhà nước.

5. Án xử công khai sơ thẩm chị T anh Đ có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

NƠI NHẬN:

- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Chi cục THATPTN
- UBND p. HS
- Đ-ơng sự
- L-ư HS; BP

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị M H

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 9 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Vào hồi giờ ngày 30/9/2019, tại phòng nghị án Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Tn.

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Tú 2. Bà Trần Kim Liên

Tiến hành nghị án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 515/2019/HNGĐ - ST ngày 24 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXX -ST ngày 30/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thu T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 18, phường Hoàng Văn Thụ, TP Tn, Tn.

Bị đơn: Anh Đoàn Quang Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 9, phường Hương Sơn, thành phố Tn, Tn.

(Các đương sự mặt tại phiên tòa)

Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và đó được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT , QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng nhất trí biểu quyết 3/3 những nội dung sau:

Áp dụng: Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39;143; 146; 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51; 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Luật án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/NQ – HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị T và anh Đ. Chị Đinh Thị Thu T và anh Đoàn Quang Đ thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Gia H, sinh ngày 15/9/2018 cho chị Đinh Thị Thu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đoàn Quang Đ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh Đ đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001862 ngày 24/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tn sang.

Anh Đ nộp 300.000đ án phí DSST (cấp dưỡng nuôi con) vào ngân sách Nhà nước.

5. Án xử công khai sơ thẩm chỉ T anh Đ có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Minh Huệ

NỘI NHỒN:

- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Chi cục THATPTN
- UBND p. Hương Sơn
- Đ- ơng sự
- L- u HS; BP

THẨM PHÁN - CHỦ TỌạ PHIÊN TỎÀ

Đoàn Thị Minh Huệ

